

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 11 năm 2021
V/v xin ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giàng A Lợ

2. Ông H Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 ngày 10 ngày 2021 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp Hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tòng Văn K, sinh năm 1964 và bà Tòng Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản B, xã Mường B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn P kết hôn với nhau từ năm 2004 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 22/05/2004 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống gia đình, anh H uống rượu về thì chửi mắng vợ con. Mâu thuẫn đỉnh điểm khi vào ngày 27/5/2020, anh H sau khi uống rượu đã đánh chị dẫn đến chảy máu mũi. Em trai chị H can ngăn đã bị anh H dùng dao đâm dẫn đến thiệt mạng và anh H phải đi chấp án tù chung thân. Sau khi đi chấp Hành án, gia đình CH đối xử tệ bạc và đuổi chị đi. Vì vậy, chị đã về NH ông bà ngoại sinh sống. Nay xác định tình cảm Vợ chồng không còn, chị không thể duy trì hôn nhân với anh H khi anh H đi chấp Hành án nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009. Hiện tại, cả hai cháu đều ở với ông bà nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi do anh H không có khả năng.

Về nợ chung: Sau khi kết hôn, chị P về chung sống với gia đình CH. Trong thời gian hôn nhân, chị có đóng góp vào tài sản của NH CH. Tại thời điểm ly hôn, chị P không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị P xác nhận không có nợ chung Vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2021, bị đơn anh Tòng Văn H trình bày:

Anh H xác định anh và chị P kết hôn từ năm 2004 do cả hai bên tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường B, huyện Mai Sơn và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng có xô xát nhỏ. Năm 2020, Vợ chồng anh xảy ra xô xát và anh không may làm em trai chị P thiệt mạng. Vì vậy, hiện anh đang đi chấp Hành án về tội giết người. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ, mong vợ suy nghĩ lại. Đồng thời mong muốn bố mẹ anh đối xử tốt hơn với chị P để chị P ở NH chăm sóc con trong thời gian anh đi chấp Hành án. Vì vậy, anh không nhất trí ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh H xác nhận, anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009. Anh mong muốn vợ suy nghĩ lại để chăm sóc con cái, nếu không chịu được áp lực của NH CH thì đưa các con về ông bà ngoại sống. Nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh nhất trí cho các con ở với mẹ.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị sống cùng với bố mẹ anh. Về tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài mong muốn đề nghị Tòa án hòa giải cho chị P rút yêu cầu ly hôn, anh P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh nếu chị P cương quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Tòng Văn K và bà Tòng Thị L trình bày:

Về nguyên nhân mâu thuẫn Vợ chồng: Trước khi đi chấp Hành án, chị P và anh H không có mâu thuẫn gì lớn, hai Vợ chồng thỉnh thoảng cãi cọ nhưng chỉ có những xô xát nhỏ. Từ khi anh H đi chấp Hành án, thái độ của chị P đối với anh H thay đổi, đi đâu không nói, không chịu khó làm ăn. Nếu chị P muốn ly hôn thì gia đình cũng không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung, hiện đang ở với ông bà nội. Nay chị P muốn nuôi con thì ông bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của hai Vợ chồng là cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009 đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Sau khi chị P kết hôn với anh H về chung sống với gia đình ông bà. Anh chị chỉ sử dụng các tài sản có sẵn của ông bà nên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản làm việc ghi ý kiến của các con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Tòng Mạnh H và cháu Tòng Thị Như Q, đều có nguyện vọng được ở cùng ông bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, khoản 3 Điều 69, Điều 70, khoản 1 Điều 73, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn H. Về con chung: Giao cháu cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị do chị P không yêu cầu. Về tài sản chung Vợ chồng: Chị P và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị P phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Tòng Thị P về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Tòng Văn H. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay, anh Tòng Văn H đang chấp Hành án phạt tù về tội giết người nên không thể có mặt tại phiên tòa và đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn H kết hôn với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã Mường B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/05/2004. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là Vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị P cho rằng mâu thuẫn là do Vợ chồng có nhiều bất đồng, anh H chửi đánh chị và nguyên nhân chính dẫn đến việc anh H phải đi chấp Hành án chính là do đánh chị. Sau khi anh H đi chấp Hành án, gia đình cH đối xử tệ bạc và đuổi chị đi. Mặc dù anh H mong muốn chị P thay đổi thái độ nhưng hiện anh đang đi chấp Hành án phạt tù chung thân, không có biện pháp gì để Hn gắn tình cảm Vợ chồng. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân, đại diện gia đình anh H cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung là cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và anh H cũng nhất trí giao 02 con chung cho mẹ nuôi dưỡng nếu chị P cương quyết ly hôn. Đồng thời, ông Tòng Văn K và bà Tòng Thị L là ông bà nội của hai cháu có nguyện vọng nuôi dưỡng hai cháu khi chị P và anh H ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ là người giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên (khoản 3 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Và người giám hộ đương nhiên chỉ được xác định khi: “*Người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ; b) Người chưa thành niên có cha, mẹ nhưng cha, mẹ đều mất năng lực Hnh vi dân sự; cha, mẹ đều có khó khăn trong nhận thức, làm chủ Hnh vi; cha, mẹ đều bị hạn chế năng*

lực Hnh vì dân sự; cha, mẹ đều bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con; cha, mẹ đều không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu người giám hộ” (Điều 47 Bộ luật dân sự). Trong vụ án này, anh H hiện đang đi chấp Hành án phạt tù nên chị P là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên. Hơn nữa, việc bố mẹ trực tiếp chăm sóc con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ và là quyền của con chưa thành niên. Mặc dù cả hai cháu đều đang thể hiện nguyện vọng được trực tiếp ở cùng ông bà nội, nhưng ông bà nội đều đã có tuổi. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho các con chung cần giao cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị do chị P không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung Vợ chồng: Chị P xác nhận, khi về chung sống với gia đình cH đã sử dụng các tài sản có sẵn của nH cH và chị có công sức đóng góp vào tài sản của nH cH. Tuy nhiên, cả chị P và anh H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung Vợ chồng: Chị P và anh H đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.5] Về án phí: Chị Tòng Thị P phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, khoản 3 Điều 69, Điều 70, khoản 1 Điều 73, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Tòng Mạnh H, sinh ngày 10/9/2004 và cháu Tòng Thị Như Q, sinh ngày 08/10/2009 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị do chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung Vợ chồng: Chị P và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Chị P và anh H đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Tòng Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001230 ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tráng A Tênh